TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **132/**2023/QĐST- DS	*Yên Sơn, ngày 06 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29/8/2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 47/2023/TLST- DS ngày 08/5/2023,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Phạm Văn T, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn Bãi Cát, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- Đồng bị đơn:

+ Ông Trần Văn D, sinh năm 1957

+ Bà Bùi Thị L, sinh năm 1967

+ Anh Trần Giang T, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Thôn Hoắc, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lê Thị H, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn Bãi Cát, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

+ Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1974; Địa chỉ: tổ dân phố Tân Bắc, thị trấn D, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nghĩa vụ thanh toán: ông Trần Văn D và bà Bùi Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Văn T tổng số tiền nợ là 186.000.000đ *(một trăm tám mươi sáu triệu đồng)*. Trong đó gồm 150.000.000đ *(một trăm năm mươi triệu đồng)* tiền gốc và

36.000.000đ *(ba mươi sáu triệu đồng)* tiền lãi. Chia ra ông D và bà L mỗi người phải trả cho ông T số tiền 93.000.000đ *(chín mươi ba triệu đồng),* trong đó tiền gốc là 75.000.000đ *(bảy mươi lăm triệu đồng),* tiền lãi là 18.000.000đ *(mười tám triệu đồng)*.

- Về thời hạn thanh toán: chậm nhất ngày 30/9/2023 ông Trần Văn D bà Bùi Thị L phải thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ nêu trên cho ông Phạm Văn T.

- Về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất: ông Phạm Văn T, bà Lê Thị H, ông Trần Văn D, bà Bùi Thị L, ông Trần Giang T thống nhất hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký ngày 22/8/2018 giữa các bên.

- Về xử lý các giấy tờ liên quan: ông Phạm Văn T có nghĩa vụ trả lại cho ông Trần Văn D giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 619460 do UBND huyện Y cấp ngày 25/6/1996 mang tên ông Trần Văn D (bản gốc) và các giấy tờ liên quan đến máy xúc HITACHI gồm: Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật số 19; biên bản bàn giao máy xúc đào ngày 18/7/2019, hợp đồng mua bán ngày 08/7/2019; hóa đơn giá trị gia tăng ngày 18/7/2019 (bản chính); hóa đơn giá trị gia tăng ngày 10/7/2019 (bản sao). Thời hạn trả: chậm nhất là ngày 30/9/2023 (ngay sau khi ông bà D L thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho ông T). Trường hợp ông bà D L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông T có quyền, nghĩa vụ giao các giấy tờ trên cho Cơ quan Thi hành án dân sự để cơ quan Thi hành án xem xét thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: ông Trần Văn D và bà Bùi Thị L nhận chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, số tiền là 4.650.000đ *(bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng),* chia ra mỗi người phải chịu 2.325.000đ *(Hai triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*. Ông Phạm Văn T, bà Lê Thị H, anh Trần Giang T không phải chịu án phí. Trả lại ông Phạm Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.250.000đ *(bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng),* theo biên lai thu tiền số 0006262 ngày 08/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Khoản tiền phải thanh toỏn, kể từ ngày người được thi hành ỏn cú đơn yờu cầu thi hành ỏn cho đến khi thi hành ỏn xong, nếu bờn phải thi hành ỏn chậm trả thỡ hàng thỏng cũn phải chịu thờm khoản tiền lói của số tiền cũn phải thi hành ỏn theo mức lói suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dõn sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Toàn